

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1348 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 9 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường  
của dự án Đầu tư khai thác mỏ đất Núi Văn Bân, thôn 4, xã Đức Chánh,  
huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4842/TTr-STNMT ngày 06/9/2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư khai thác mỏ đất Núi Văn Bân, thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu, đề xuất UBND tỉnh đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức; Chủ tịch UBND xã Đức Chánh; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TTHC, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN.lqv174



**CHỦ TỊCH**

**Đặng Văn Minh**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**của dự án Đầu tư khai thác mỏ đất Núi Văn Bản, thôn 4,**  
**xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi**  
*(Kèm theo Quyết định số 1348 /QĐ-UBND*  
*ngày 41 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Đầu tư khai thác mỏ đất Núi Văn Bản, thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung (Địa chỉ: Thôn Lương Nông Bắc, xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi).
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Khu vực thiết kế khai thác có diện tích 4,8 ha.
- Trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác của mỏ: 211.373,6 m<sup>3</sup>.
- Công suất khai thác: 150.000 m<sup>3</sup> đất/năm thứ nhất và 61.373,6 m<sup>3</sup> đất/năm kết thúc.
- Tổng khối lượng đất phủ toàn mỏ: 12.726 m<sup>3</sup>.
- Thời hạn khai thác: 02 (hai) năm.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Các hạng mục công trình chính: Khai trường khai thác có diện tích khoảng 4,8 ha.
- Các hạng mục công trình phụ trợ: Khu văn phòng, điểm vệ sinh xe, đường vận chuyển ngoài mỏ.
- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:
  - + Nước mưa chảy tràn: Được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước mưa, hố lắng của dự án và thoát theo địa hình tự nhiên.
  - + Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án thuê nhà của người dân đã có nhà vệ sinh cho sinh hoạt của công nhân. Nước thải sinh hoạt được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý.
  - + Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào 02 thùng chứa 240L có nắp đậy tại khu vực dự án và khu văn phòng.
  - + Chất thải nguy hại được thu gom vào 02 thùng chứa 120L chuyên dụng có nắp đậy tại khu vực dự án và khu văn phòng.

+ Bãi thải: Tổng khối lượng đất bóc tầng phủ khoảng 12.726 m<sup>3</sup> được lưu chứa ở bãi thải trong mỏ (vị trí bãi thải thay đổi theo từng năm khai thác) để phục vụ cho việc hoàn thổ phục hồi môi trường.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng thi công, quá trình mở vỉa và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất phát sinh ra tiếng ồn, bụi, khí thải. Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, nguy cơ gây ảnh hưởng đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động, tai nạn giao thông,...

- Trong giai đoạn hoạt động: Các hoạt động bóc đất tầng đất phủ; hoạt động khai thác (xúc bốc và vận chuyển đất) làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung; chất thải rắn từ thu dọn sinh khối, đất bóc tầng phủ và đá thải; chất thải nguy hại; nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác; sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt; hoạt động khai thác vận chuyển tiềm ẩn nguy cơ tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sự cố sạt lở,...

- Trong giai đoạn kết thúc khai thác, phục hồi môi trường: Các hoạt động vận chuyển, san gạt đất hoàn thổ, tháo dỡ các công trình phụ trợ để hoàn thổ trồng cây; sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Nước thải, khí thải**

#### **3.1.1. Nước thải**

\* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

+ Lưu lượng phát sinh: Khoảng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>), các chất dinh dưỡng (N, P) và coliform.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Lưu lượng: 40,78 m<sup>3</sup>/h.

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, cát, rác) và dầu mỡ.

\* Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt:

- + Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.
- + Lưu lượng phát sinh: Khoảng 1,4 m<sup>3</sup>/ngày.
- + Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>), các chất dinh dưỡng (N, P) và coliform.
- Nước mưa chảy tràn:
  - + Lưu lượng: 400,32 m<sup>3</sup>/h.
  - + Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, cát, rác) và dầu mỡ.
- \* Giai đoạn phục hồi môi trường:
  - + Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.
  - + Lưu lượng phát sinh: Khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.
  - + Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>), các chất dinh dưỡng (N, P) và coliform.

### **3.1.2. Bụi và khí thải**

- \* Giai đoạn thi công xây dựng:
  - + Nguồn phát sinh: Quá trình phát quang cây cối, hoạt động mở vĩa.
  - + Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, khí thải (CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>), tiếng ồn.
- \* Giai đoạn hoạt động:
  - + Nguồn phát sinh: Quá trình bóc đất tầng đất phủ; hoạt động khai thác (xúc bốc và vận chuyển đất).
  - + Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, khí thải (CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>), tiếng ồn.
- \* Giai đoạn phục hồi môi trường:
  - + Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện vận chuyển, san gạt, trồng cây.
  - + Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, khí thải (CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>), tiếng ồn.

### **3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

- \* Giai đoạn thi công xây dựng:
  - Chất thải rắn từ quá trình phát quang:
    - + Nguồn phát sinh: Gỗ khai thác và thực vật phát quang.
    - + Lượng phát sinh: Khối lượng thực vật phát quang khoảng 36 tấn; khối lượng gỗ khoảng 196,8 tấn.
    - + Thành phần: Gỗ và cây cối.
  - Chất thải rắn sinh hoạt:
    - + Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.
    - + Lượng phát sinh: 4 kg/ngày.
    - + Thành phần: Bao ni lông, hộp cơm, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn xây dựng:
  - + Nguồn phát sinh: Đất bóc tầng phủ từ quá trình mở vỉa và thi công đường nội mỏ.
  - + Thành phần: Đất bóc tầng phủ.
  - + Lượng phát sinh: 1.065 m<sup>3</sup>.
- Chất thải nguy hại:
  - + Nguồn phát sinh: Từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị.
  - + Thành phần: Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu.
  - + Lượng phát sinh: Khoảng 1 kg/thời gian thi công.
- \* Giai đoạn hoạt động:
  - Chất thải rắn sinh hoạt:
    - + Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.
    - + Lượng phát sinh: Khoảng 7 kg/ngày.
    - + Thành phần: Bao bì các loại, thức ăn, rau quả thừa,...
  - Chất thải rắn trong quá trình khai thác:
    - + Nguồn phát sinh: Đất bóc tầng phủ, đá và sinh khối còn sót lại.
    - + Lượng phát sinh: Đất bóc tầng phủ trong toàn bộ thời gian khai thác là 11.661 m<sup>3</sup> (đã trừ đất bóc tầng phủ mở vỉa và đường nội mỏ) và khoảng 3 tấn sinh khối còn sót lại.
  - Chất thải nguy hại:
    - + Nguồn phát sinh: Từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị khai thác, vận chuyển và từ hoạt động của khu văn phòng.
    - + Lượng phát sinh: Khoảng 270 lít/năm từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị và khoảng 10 kg/năm từ hoạt động của khu văn phòng.
    - + Thành phần: Dầu nhớt thải, cặn dầu thải, giẻ lau nhiễm dầu, các loại dầu động cơ, hộp số bôi trơn, thùng dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải,...
- \* Giai đoạn phục hồi môi trường:
  - Chất thải rắn sinh hoạt:
    - + Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.
    - + Lượng phát sinh: 2,5 kg/ngày.
    - + Thành phần: Bao ni lông, hộp cơm, thức ăn thừa,...
  - Chất thải nguy hại:
    - + Nguồn phát sinh: Từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị.
    - + Lượng phát sinh: Tương đối ít, không đáng kể.
    - + Thành phần: Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu,...

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung

\* Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nguồn phát sinh: Hoạt động của máy móc, thiết bị san ủi mở vĩa, hoạt động của xe vận chuyển.

\* Giai đoạn hoạt động:

+ Nguồn phát sinh: Hoạt động của máy móc, phương tiện xúc bốc và vận chuyển đất.

\* Giai đoạn phục hồi môi trường:

+ Nguồn phát sinh: Hoạt động của máy móc, phương tiện vận chuyển, san gạt.

### 3.4. Các tác động khác

- Tác động do tai nạn giao thông: Hoạt động giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển vật liệu, sản phẩm đất.

- Tác động do tai nạn lao động: Hoạt động của các công nhân làm việc trong quá trình khai thác đất.

- Tác động do sự cố sạt lở: Hoạt động của quá trình khai thác đất và tác động do nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

#### 4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Thuê nhà của người dân đã có nhà vệ sinh cho sinh hoạt của công nhân. Nước thải sinh hoạt được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Trong giai đoạn thi công xây dựng: Nước mưa chảy tràn sẽ chảy theo địa hình tự nhiên khu vực.

+ Trong giai đoạn hoạt động: Nước mưa chảy tràn sẽ được xử lý bằng các hố lắng nước mưa với kích thước  $L \times B \times H = 7 \times 7 \times 1,5 \text{m}$ , đồng thời đánh rãnh thoát nước mưa với kích thước rãnh  $B \times H = 1 \times 0,5 \text{m}$  và tổng chiều dài 400 m.

+ Trong giai đoạn phục hồi môi trường: Giữ nguyên hệ thống thoát nước mưa đã xây dựng, san gạt bề mặt khu vực mở để nước mưa thuận lợi thoát theo địa hình tự nhiên.

#### 4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

\* Giai đoạn thi công xây dựng: Phân bố xe vận chuyển ra vào khu vực thi công hợp lý; thường xuyên phun nước giảm bụi trên đường vận chuyển; bố trí 01 điểm vệ sinh xe trước khi ra khỏi khai trường; dùng bạt che chắn các thùng xe vận chuyển; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

\* Giai đoạn hoạt động: Xe vận chuyển sản phẩm được che phủ bạt kín, hạn chế rơi vãi gây bụi bẩn; thường xuyên tưới nước giảm bụi trên tuyến

đường vận chuyển; bố trí 01 điểm vệ sinh xe trước khi ra khỏi khai trường; tuân thủ đúng thời gian khai thác và vận chuyển; không khai thác, vận chuyển đất vào giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 12 giờ đến 13 giờ) và ban đêm (từ 21 giờ đến 06 giờ hôm sau); hạn chế vận chuyển trong thời gian cao điểm; các xe tham gia vận chuyển đúng tải trọng, đúng lộ trình, tránh rơi vãi và giới hạn tốc độ của xe trong quá trình hoạt động để giảm phát thải bụi vào môi trường.

\* Giai đoạn phục hồi môi trường: Các phương tiện máy móc thiết bị phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường phải đảm bảo yêu cầu và được kiểm tra bảo dưỡng.

#### 4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

##### 4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt (ở cả 3 giai đoạn): Thu gom rác vào 02 thùng chứa có nắp đậy 240L và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang (trong giai đoạn thi công xây dựng): Các cây gỗ lớn bán lại cho các đơn vị thu mua, lá cây và cành cây nhỏ được thu gom và đốt.

- Chất thải rắn khai thác (trong giai đoạn khai thác): Sử dụng toàn bộ lượng đất bóc tầng phủ để phục hồi môi trường.

##### 4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 02 thùng 120 L, đặt tại khu vực dự án và khu văn phòng mỏ (nhà thuê của người dân) để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, hoạt động và phục hồi môi trường của dự án, hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý.

#### 4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

\* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng máy móc, phương tiện vận chuyển còn hạn sử dụng; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, phương tiện vận chuyển.

- Sắp xếp bố trí kế hoạch hợp lý để hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây ồn.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

\* Giai đoạn hoạt động:

- Thường xuyên bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, các thiết bị xây dựng làm việc tại công trường.

- Quy định tốc độ và thời gian hoạt động vận chuyển đất.

- Trang bị thiết bị chống ồn cục bộ cho công nhân.
- Quy chuẩn áp dụng:
  - + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
  - + QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

#### 4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

##### 4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Phương án được lựa chọn thực hiện: Xúc, vận chuyển, san gạt khu vực khai thác và trồng cây; gia cố vách moong khai thác, tạo rãnh thoát nước; san lấp hồ lắng nước mưa; xử lý lượng đá cuội, đá tảng trong khu vực khai thác; lắp đặt biển báo; đo vẽ địa hình sau khi kết thúc khai thác.

- Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

| Stt | Nội dung công việc                                      | Đơn vị tính    | Khối lượng |
|-----|---------------------------------------------------------|----------------|------------|
| 1   | Xúc, vận chuyển, san gạt khu vực khai thác và trồng cây |                |            |
| 1.1 | Công tác xúc, vận chuyển                                | m <sup>3</sup> | 3.817,8    |
| 1.2 | Công tác san gạt đất                                    | m <sup>3</sup> | 10.770     |
| 1.3 | Công tác trồng cây xanh                                 | m <sup>2</sup> | 35.900     |
| 2   | Gia cố vách moong khai thác                             | m <sup>3</sup> | 842,86     |
| 3   | Tạo rãnh thoát nước                                     | m <sup>3</sup> | 200        |
| 4   | San gạt hồ lắng nước mưa                                | m <sup>3</sup> | 294        |
| 5   | Xử lý lượng đá cuội, đá tảng trong khu vực khai thác    | m <sup>3</sup> | 100        |
| 6   | Lắp đặt biển báo                                        | cái            | 20         |
| 7   | Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc khai thác               | ha             | 4,8        |
| 8   | San gạt bãi thải                                        | m <sup>3</sup> | 0          |

- Kế hoạch thực hiện: trước khi thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật.

- Chi phí các công trình cải tạo, phục hồi môi trường:

| STT      | Nội dung công việc                                            | Thành tiền (VNĐ)   |
|----------|---------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b> | <b>Chi phí cải tạo PHMT (C<sub>cp</sub>)</b>                  | <b>239.733.352</b> |
| 1        | Xúc, vận chuyển đất và san gạt khu vực khai thác và trồng cây | 209.282.579        |
| 2        | Xử lý đá cuội, đá tảng                                        | 2.603.381          |
| 3        | Gia cố bờ moong khai thác                                     | 3.898.498          |
| 4        | Tạo rãnh thoát nước                                           | 2.652.626          |

| STT                                                                                                   | Nội dung công việc                                            | Thành tiền (VNĐ)   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>                                                                                              | <b>Chi phí cải tạo PHMT (C<sub>cp</sub>)</b>                  | <b>239.733.352</b> |
| 5                                                                                                     | San gạt hồ lắng nước mưa                                      | 2.134.420          |
| 6                                                                                                     | Lắp đặt biển báo                                              | 7.613.764          |
| 7                                                                                                     | Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc khai thác                     | 11.548.084         |
| 8                                                                                                     | San gạt bãi thải                                              | 0                  |
| <b>II</b>                                                                                             | <b>Chi phí quản lý dự án (G<sub>ql</sub>)</b>                 | <b>6.617.458</b>   |
| <b>III</b>                                                                                            | <b>Chi phí dự phòng và trượt giá (G<sub>dp</sub>)</b>         | <b>24.826.067</b>  |
| <b>IV</b>                                                                                             | <b>Chi phí thu nhập chịu thuế tính trước (G<sub>ct</sub>)</b> | <b>23.973.335</b>  |
|                                                                                                       | <b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>                                | <b>297.060.070</b> |
| <i>Bảng chữ: Hai trăm chín mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi nghìn, không trăm bảy mươi đồng./.</i> |                                                               |                    |

- Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:
- + Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 297.060.070 đồng.
- + Số lần ký quỹ: 2 lần.
- + Số tiền ký quỹ lần đầu tiên: 74.265.017 đồng.
- + Số tiền ký quỹ năm khai thác tiếp theo: 222.795.052 đồng.
- Thời điểm ký quỹ và tiếp nhận tiền ký quỹ:
- + Lần đầu tiên phải thực hiện ký quỹ: Chủ dự án sẽ thực hiện ký quỹ lần đầu trước khi đưa mỏ vào khai thác 30 ngày.
- + Ký quỹ từ lần thứ hai trở đi: Phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.
- + Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi (*Địa chỉ: số 155 Lê Thánh Tôn, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; điện thoại: 0556512003; 0556512002*).

#### 4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- An toàn giao thông: Tuân thủ lộ trình vận chuyển, phân luồng giao thông, không chở quá tải trọng quy định; bố trí người hướng dẫn xe ra vào khu vực khai thác; không khai thác, vận chuyển đất vào giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 12 giờ đến 13 giờ) và ban đêm (từ 21 giờ đến 06 giờ hôm sau); giảm bớt lượng xe và tốc độ vận chuyển vào giờ cao điểm (buổi sáng từ 6 giờ 30 đến 7 giờ; buổi chiều từ 17 giờ đến 17 giờ 30 phút); đặt biển báo tại nút giao giữa đường vào mỏ và đường ĐT.627B.

- Tai nạn lao động: Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, kính bảo hộ, nút bịt tai chống ồn,...

- Sự cố sụt lún, sạt lở moong khai thác: Hoạt động khai thác phải tuân thủ theo đúng thiết kế khai thác được phê duyệt; khai thác lộ thiên theo từng lớp bằng, áp dụng hình thức khai thác cuốn chiếu, khai thác đến đâu thì san gạt và

trồng cây xanh đến đỏ; không khai thác vào những ngày mưa; không ché trữ lượng và độ sâu khai thác theo đúng như hồ sơ khai thác được phê duyệt.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

| Stt | Môi trường giám sát                              | Vị trí                                                                         | Thông số/tần suất giám sát                                                                                                        | Quy chuẩn so sánh                                                                                                                                       |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Giám sát không khí xung quanh                    | 01 điểm tại khu vực khai thác, vị trí này thay đổi theo từng năm               | - Thông số: Độ ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, NO <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , tiếng ồn.<br>- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần. | - QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.<br>- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. |
| 2   | Giám sát sạt lở                                  | Quan sát sạt lở khu vực mỏ đất                                                 | Tần suất giám sát: Thường xuyên                                                                                                   | -                                                                                                                                                       |
| 3   | Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại       | Khu vực tập kết chất thải rắn, chất thải nguy hại                              | 06 tháng/lần hoặc giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường, có kiến nghị của chính quyền địa phương hay khiếu nại của nhân dân   | -                                                                                                                                                       |
| 4   | Giám sát quá trình hoàn thổ, phục hồi môi trường | Mức độ tuân thủ các biện pháp theo dự án về việc san gạt, phá dỡ đường tạm,... | 01 lần/năm và tổng giám sát vào năm cuối cùng (khi thực hiện các biện pháp đóng cửa mỏ)                                           | -                                                                                                                                                       |

### 6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Khai thác đúng vị trí, phương án và công suất theo thiết kế cơ sở đã được phê duyệt.

- Trong quá trình xây dựng, khai thác, phục hồi môi trường phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, môi trường không khí.

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ các giai đoạn của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại và các quy định hiện hành khác.

- Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn trước và trong quá trình khai thác. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường làm ảnh hưởng đến các công trình

và môi trường xung quanh, chủ dự án phải có trách nhiệm xử lý, khắc phục ô nhiễm và sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Nếu xảy ra sự cố liên quan đến sạt lở trong quá trình khai thác, chủ dự án phải dừng khai thác để đảm bảo an toàn cho công trình, đồng thời báo với chính quyền địa phương để kịp thời xử lý, khắc phục hậu quả.

- Tuân thủ đúng thời gian khai thác và vận chuyển; giảm bớt lượng xe vận chuyển trong thời gian cao điểm; các xe tham gia vận chuyển đúng tải trọng, đúng lộ trình quy định và giới hạn tốc độ của xe trong quá trình hoạt động để giảm phát thải bụi vào môi trường.

- Đối với cây trồng để phục hồi môi trường phải lựa chọn loài cây, giống cây phù hợp với điều kiện sống ở địa phương, có giá trị kinh tế cao. Việc duy tu, bảo trì công trình cải tạo, phục hồi môi trường hoặc công tác trồng dặm, chăm sóc cây yêu cầu tối thiểu 3 năm, tỷ lệ trồng dặm yêu cầu từ 10-30% mật độ cây trồng.

- Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực khai thác; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh;

- Sau khi kết thúc khai thác phải tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường như báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và tiến hành lập hồ sơ đề án đóng cửa mỏ theo quy định./.